

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 145/2018/LHST

Ngày: 12/10/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông *Nguyễn Văn Thắng*

Các hội thẩm:

1. Bà *Trần Thị Hợi*

2. Bà *Nguyễn Thị Phúc*

Thư Ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Thu Hương* - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Ông *Nguyễn Văn Dân* - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 và ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn thụ lý số: 50/2018/LHST ngày 18/4/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST ngày 12.9.2018 giữa các đương sự

- *Nguyên đơn:* Chị ***Nguyễn Thị L***; sinh năm 1976. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 6 xã T, huyện H, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh ***Nguyễn Tấn N*** - Sinh ngày: 02/10/1978. Có mặt.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Khôi Zố, xã M, C, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ 1 xã S, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà: ***Dương thị H***; sinh năm 1974; Vắng mặt

Trú tại: xóm Đ 1, xã S, huyện H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, đề ngày 16/4/2018; bản tự khai ngày 19/4/2018 và lời trình bày của chị Nguyễn Thị L tại phiên tòa thì chị và anh Nguyễn Tấn N xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có sự tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Tiêm, C, tỉnh Gia Lai vào ngày 04/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Ia Tiêm, C, tỉnh Gia Lai được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu và đánh đập chị L, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, do không thể sống chung với nhau nên đến năm 2015 chị L đã bỏ về quê sống ở xóm Đ 1 xã S, huyện H, tỉnh Nghệ An. Một thời gian sau, anh N cũng về quê với chị L. Chị L đã bỏ qua những khuyết điểm của anh N

để vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau; nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì anh N tiếp tục uống rượu và đánh đập, hành hạ chị L. Kể từ tháng 10/2017 đến nay chị L sống ly thân với anh N, vợ chồng không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Tấn N nữa, nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tấn N.

Về quan hệ con chung: Vợ không có con chung với nhau.

Về tài sản chung: Chị L trình bày, thống nhất như biên bản định giá tài sản ngày 02/7/2018, vợ chồng có những tài sản chung gồm:

Đất ở, đất vườn, 1 thửa đất số 619, tại Đ 1 xã S huyện H, tỉnh Nghệ An, có diện tích: 2.535,4 m²; giá trị: 277.500.000đồng.

Tài sản trên đất gồm: 1 nhà via tầng đa xây tường bao xung quanh bằng gạch chỉ, lợp ngói, nền lát gạch hoa, tường lán sơn, giá 61.214.000đồng; 1 nhà ngang gỗ, cột kê lợp ngói, xây tường bao xung quanh bằng gạch chỉ, nền láng xi măng giá 18.367.000đồng; 1 nhà bếp 2 mái lợp ngói, tường nhà xây gạch, giá 11.334.000đồng; hàng rào xung quanh nhà dài 90,3m, giá 18.796.000đồng; bờ rào lưới bê 40, cột bê tông, giá 4.492.000đồng; trụ cổng giá 3.645.000 đồng; sân bê tông trước nhà diện tích sử dụng 59,74m², giá 5.137.000 đồng; sân bê tông sau nhà diện tích sử dụng 89,99m², giá 7.938.000 đồng; mái che bằng tôn trước nhà 13,9m x 13,7m, giá 14.715.000 đồng; mái che bằng tôn bên cạnh nhà (4,4m x 13,7m) giá 9.042.000đồng; mái che phía sau nhà (6,4 x 3,1) + (2,4 x 2,3) = 25,36m² giá 3.804.000đồng; cánh cửa cổng, khung thép, lưới bê 40 giá: 1.674.000đồng; cổng bê tông trước nhà (3,2x8m dày 10cm) giá 4.198.000đồng; 2 bờ chạch sân giá: 593.000đồng; công trình phụ (chuồng trại chăn nuôi), nền láng xi măng, mái lợp ngói tường bao bằng gạch táp lô, giá 35.840.000đồng; bể tự hoại đồ bê tông, giá 5.350.000đồng; bồn nước Inox 1.200l, giá 2.000.000 đồng; nhà tắm mái bê tông; ốp gạch, nền lát gạch hoa giá 5.876.000 đồng; nhà vệ sinh tự hoại, tường xây, mái lợp phroximăng, tường ốp gạch giá: 4.876.000 đồng; 1 giếng nước giá: 2.409.000 đồng; 1 xe máy hiệu WaWe biển kiểm soát 37N1 – 17411 giá 8.000.000 đồng; 1 tủ nhôm kính đựng quần áo giá 500.000 đồng; 1 tủ bếp nhôm kính 500.000 đồng; 1 bộ bàn ghế sa lông giá: 3.000.000 đồng; 1 tủ kệ gỗ giá: 2.000.000 đồng; 1 tivi 21 in giá 1.000.000đồng; 1 tủ lạnh 1.500.000 đồng; 1 máy lọc nước 1.500.000 đồng; lúa 400 kg giá 2.486.000đồng.

Đất nông nghiệp: Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 12, tại Đ 1, xã S diện tích: 446.5 m² giá 17.860.000 đồng; thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12, tại Đ 1, xã S diện tích: 305.1 m² giá: 12.204.000 đồng; thửa đất số 529, tờ bản đồ số 12, tại Đ 1, xã S diện tích: 330.9 m² giá 13.236.000 đồng; thửa đất số 597, tờ bản đồ số 12, tại Đ 1, xã S diện tích: 404.8 m² giá 16.192.000 đồng.

1 con trâu 2 năm tuổi 20.000.000 đồng; 1 con bò 4 năm tuổi 15.000.000 đồng; 1 con me 13 tháng tuổi 8.000.000 đồng; 1 con me 4 tháng tuổi 4.000.000đồng, cộng là 47.000.000 đồng (Trâu, bò, me trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh N đã tự động bán không có ý kiến của chị L để chi tiêu cá nhân, nay chị L thống nhất là không đưa trâu, bò, me vào khối tài sản chung của vợ chồng để chia.

102 kg lúa anh Nguyễn Tấn N đã trả nợ cho chị Dương thị H, chị L cũng thống nhất không đưa vào khối tài sản chung của vợ chồng để chia.

Nếu vợ chồng được ly hôn, về tài sản chung của vợ chồng hiện nay đang do anh N quản lý trị giá 578. 778.000đồng, công sức đóng góp vào khối tài sản chung ngang nhau, chị L yêu cầu chia đôi và nhận bằng hiện vật.

Về nợ chung, không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không trình bày gì khác

Bị đơn anh Nguyễn Tấn N trình bày:

Về quan hệ tình cảm: anh N thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Vì không có con chị L buồn chán nên tháng 10/2015 chị L bỏ về quê ở Nghệ An sinh sống do đang có tình cảm thương yêu chị L nên anh N đã về quê vợ ở Nghệ An để chung sống cùng chị L. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng vì chị L hay chửi rủa anh N nên anh N có lỡ tay dùng rạ phát đánh chị L bị thương nhưng anh N đã có trách nhiệm chăm sóc chị L tận tình. Từ tháng 10/2017 chị L đã cắt khẩu chuyển về sống với anh em của chị L ở xóm 6 xã T huyện H, tỉnh Nghệ An nay chị L có đơn yêu cầu ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng được trở về đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Anh N không đồng ý vợ chồng ly hôn, do vậy không chấp nhận chia tài sản theo yêu cầu của chị L.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại điều 203 BLTTDS 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Thẩm phán đảm bảo quy định tại chương VII BLTTDS 2015. Việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng. Tuân thủ quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 BLTTDS trong việc ghi biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo với HĐXX danh sách người triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện đúng quy định tại Điều 243, 250, 251, 252, 253, 258, 260, 262, 263 BLTTDS 2015 về phiên tòa sơ thẩm như: Thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử sơ thẩm; Thành phần của HĐXX; Sự có mặt của thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa; Thực hiện đúng các trình tự, quy định của pháp luật TTDS về các thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng những quy định tại Điều 71; Điều 72, và Điều 234 BLTTDS sửa đổi, bổ sung năm 2015 như cung cấp các chứng cứ cho Tòa án, viết bản tự khai, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình 2014. Điều 147, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giải quyết cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tấn N.

- Về tài sản chung xét công sức đóng góp củ vợ chồng ngang nhau vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi tài sản cho anh N và chị L mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng:

- Về chi phí định giá: Chị L đã nộp nhưng không yêu cầu anh N bồi hoàn nên miễn xét.

-Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn N chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến Nam xác lập quan hệ vợ chồng với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Tiêm, C, tỉnh Gia Lai vào ngày 04/4/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng đã sớm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, thậm chí đã nhiều lần anh N có hành vi đánh đập chị L. Kể từ tháng 10/2017 đến nay thì vợ chồng sống ly thân và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa. Chị Nguyễn Thị L xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Tấn N nữa, nên thiết tha yêu cầu Tòa án huyện H xét xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tấn N. Anh Nguyễn Tấn N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L đang còn có nguyện vọng yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 31 tháng 8 năm 2018 thì thực trạng vợ chồng chị L và anh N trong thời gian sống chung với nhau vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn các tổ chức đoàn thể ở xóm đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặt khác anh N cũng thừa nhận trong tháng 10/2017 do anh N đã có hành vi dùng dao chém chị L, chị L đã cắt khẩu chuyển về sống với anh em của chị L ở xóm 6 xã T, huyện H, tỉnh Nghệ An, từ đó đến nay thì vợ chồng không đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định anh N có hành vi bạo lực với chị L, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, chị L yêu cầu được ly hôn là đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn N đều thống nhất vợ chồng chưa có con chung.

[3] Về tài sản chung: Căn cứ vào lời khai người làm chứng là ông Vũ Xuân Việt ngày 31/8/2018 (BL số 57) và các tài liệu có trong hồ vụ án (BL số 15) thì ngày 7/3/2015 anh Nguyễn Tấn N và chị Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng tài sản của ông Vũ Xuân Việt gồm: Nhà ở, đất vườn và đất ruộng. Lời khai của chị L trình bày, sau khi chị L và anh N nhận chuyển nhượng tài sản của ông Việt thì vợ chồng có phát triển thêm các loại tài sản: Công trình phụ, dàn mát, 1 con trâu 2 năm tuổi, 1 con me 13 tháng tuổi, 1 con me 4 tháng tuổi (1 con trâu, 1 con bò, 2 con me anh N đã bán chi tiêu cá nhân anh N). Tại biên bản định giá tài sản ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện H, thì tài sản hiện đang do anh Nguyễn Tấn N quản lý, có trị giá là 580.612.000 đồng, chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn N không ai phản đối gì về số lượng và giá trị tài sản của Hội đồng định giá. Anh N không xuất trình được căn cứ gì để chứng minh tài sản trên là của riêng anh N hoặc là công sức của anh N đóng góp vào khối tài sản nhiều hơn. Như vậy có cơ sở để xác định khối tài sản chị L yêu cầu chia khi ly hôn là tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh N và chị L, công sức đóng vào tài sản chung ngang nhau, chị L yêu cầu chia đôi, nhận $\frac{1}{2}$ bằng hiện vật trị giá tài sản 291.473.000 đồng là đúng theo quy định tại 59 Luật hôn nhân gia đình, cần được chấp nhận.

Về đất ở và đất vườn, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0 2353/5211 /QĐ – UBND ngày 27/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện H, cấp cho anh Nguyễn Tấn N và chị Nguyễn Thị L diện tích đất 2485,3m², ngày 2/7/2018 Hội đồng định giá tài sản đã đo thực trạng thửa đất có tăng lên 50,1m², ngày 04/10/2018 Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tuy diện tích đất có tăng thêm nhưng không vi phạm quy hoạch; mặt khác đất đã được cấp ổn định, xây bờ rào tứ cạnh, không có tranh chấp có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất cho anh N và chị L. Hội đồng xét xử cần tạm giao cho anh Nguyễn Tấn N và chị Nguyễn Thị L mỗi người 25,05m² để làm thủ tục cấp đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Một con trâu 2 năm tuổi, 1 con bò 4 năm tuổi, 1 con me 13 tháng tuổi, 1 con me 4 tháng tuổi, anh Nguyễn Tấn N trình bày đã bán trong thời gian vợ chồng đang sống chung với nhau, mục đích để trả nợ chung của vợ chồng, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn N thống nhất không đưa trâu, bò, me anh N đã bán vào khối tài sản chung của vợ chồng để chia. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tấn N không yêu cầu Tòa giải quyết; anh N đưa 120 kg lúa trị giá 720.000 đồng, là tài sản chung của vợ chồng chị L, anh N để trả nợ cho chị Dương thị H, chị L không yêu cầu giải quyết số lúa trên. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/216 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2, 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tấn N.

2. Về quan hệ tài sản: Tài sản chung của vợ chồng chia đôi cho vợ chồng mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản.

Giao cho chị Nguyễn Thị L được sở hữu và quyền sử dụng gồm các loại tài sản:

+ Diện tích đất 1180,45m², trong đó 150m² đất ở và 1030,45m² đất vườn và tạm giao cho chị L 25,05 m² đất để làm thủ tục cấp đất theo quy định của luật đất đai, tại thửa đất số 619 tờ bản đồ số 12, ký hiệu 619(1), địa chỉ ở xóm Đ 1 xã S huyện H, tỉnh Nghệ An. Có các cạnh:

- Phía Nam giáp đường nhựa có kích thước: 11,86m.

- Phía Đông giáp thửa đất ký hiệu 619(2) kích thước có các đoạn 29,88 + 61,98 = 91,86m.

- Phía tây giáp đất bà Thái Thị Yêm và đường đất, kích thước có các đoạn 16,37 + 18,01 + 16,82 + 11,97 + 14,90 + 19,61 + 6,40 + 7,26 = 111,34m

(Ranh giới thửa đất về phía Đông có các điểm cắt A, B, C kèm theo sơ đồ)

Giá trị quyền sử dụng đất: 177.900.000 đồng

+ Tài sản trên đất:

- 1 Nhà via tầng đa, chiều cao đóng thùng 3,7m; móng đá hộc, tường bao xung quanh xây gạch chỉ; dài 8,35m rộng 7,2m, diện tích 60,12m², nền lát gạch hoa liên doanh, tường lãn sơn, mái ngói giá: 61.214.000 đồng.

- Mái che trước nhà không có tường bao xung quanh bằng tôn (7,2x8,6m) diện tích 61,92m² giá: 9.288.000 đồng.

- Mái che không có tường bao xung quanh bằng tôn (nằm bên cạnh nhà 4,4 x 13,7) diện tích 60,28m² giá: 9.042.000 đồng.

- Hàng rào (trước nhà) xây tấp lô nghiêng không gia trát, móng đá hộc (1,4x1,5m) giá: 719.000 đồng.

- Trụ cổng nhỏ, lõi BTCT xung quanh xây tấp lô không gia trát (diện tích 45x45) (2 trụ) cao 2,7m, tổng m dài 5,4 m móng đá hộc giá: 3.645.000 đồng.

- Hàng rào (trước nhà) xây tấp lô nghiêng (2,7 x 1,7) diện tích 4,9 m², móng đá hộc giá: 1.435.000 đồng.

- Hàng rào (trước nhà) xây tấp lô nghiêng có da trát (3,7x1,5) diện tích 5,55m², móng đá hộc giá: 915.000 đồng.

- Hàng rào xây tấp lô nghiêng không da trát cao 1,2 dài 50,5m (bên trái nhà) diện tích 60,6m², móng đá hộc giá: 9.205.000 đồng.

- Bờ rào lưới B40 có trụ bê tông dài 8,3m, cao 1,5 (bên sau phía trái nhà) diện tích 12,45m² giá: 4.492.000 đồng.

giá: - Cánh cửa cổng khung thép lưới B40 dài 1,55m, rộng 1,5 x 2 có diện tích 4,65 m² 1.674.000 đồng.
 - Cổng bê tông trước nhà (3,2 x 8m) dày 10cm diện tích 5,6 m² giá: 4.198.000 đồng.
 giá: - Bờ chạch sân xây tấp lô nghiêng không da trát cao 0,8 dài 4,9 diện tích 3,92 m² 354.000 đồng.
 m² giá: - Bờ chạch sân xây tấp lô nghiêng không da trát cao 0,44m dài 6 m, diện tích 2,64 m² 239.000 đồng.
 - Sân bê tông trước nhà (7,2 x 5,8) diện tích 41,76 m² giá: 3.591.000.đồng.
 - Sân bê tông sau nhà 7,6 x 7,5 phía sau viatan đa giá: 4.903.000 đồng.
 - Công trình phụ (Chuồng trại chăn nuôi), nền xi măng, mái ngói (7,51+ 7,95) : 2 x 5,01) diện tích 38,7 m² giá: 23.413.000 đồng.
 - Bể tự hoại đổ bê tông 5m³ giá: 5.350.000 đồng.
 - Lúa 400 kg x giá 6200đồng/1 kg = 2.486.000 đồng.
 + Đất nông nghiệp:
 - Thửa số 285, tờ bản đồ số 1, tại Đ 1, xã S - H - Nghệ An diện tích 446,5 m² giá: 40.000đồng /1m² = 17.860.000 đồng.
 - Thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12 tại Đ 1 xã S diện tích 305,1m giá 40.000đồng/1 m² = 12.204.000 đồng.

Tổng cộng:

354.127.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Tấn N được quyền sở hữu và sử dụng tài sản gồm:

- Diện tích đất 1.304,85m², trong đó 150m² đất ở và 1.154,85m² đất vườn và tạm giao cho anh N 25,05 m² đất để làm thủ tục cấp đất theo quy định của luật đất đai, thuộc thửa đất số 619, tờ bản đồ số 12, ký hiệu 619 (2), địa chỉ ở xóm Đ 1 xã S huyện H, tỉnh Nghệ An. Có các cạnh:

+ Phía Bắc giáp đường đất kích thước có các đoạn: 6,36 + 10,88 + 3,27 = 20,51m
 + Phía Nam giáp đường nhựa có kích thước: 6,64m
 + Phía tây giáp thửa đất ký hiệu 619 (1) kích thước có các đoạn: 29,88 + 61,98 = 91,86m
 + Phía Đông giáp ông Hiệp, kích thước có các đoạn 19,75 + 2,58 + 2,99 + 1,74 + 4,31 + 4,19 + 5,54 + 3,05 + 3,21 + 2,12 + 19,96 + 8,74 + 10,39 + 4,68 + 7,76 = 101,1m;
 (Ranh giới thửa đất về phía Tây có các điểm cắt A, B, C, kèm theo sơ đồ)

Giá trị quyền sử dụng đất: 99.600.000 đồng.

- Tài sản trên đất:
 - 1 Nhà gỗ cột kê mái ngói đóng thùng 2,6m, móng đá hộc, tường bao xung quanh xây gạch chỉ, dài 5,8m, rộng 5,2m; diện tích 30,16m² nền lát xi măng giá: 18.367.000đ.
 - 1 nhà bếp 2 mái ngói, tường xây gạch, móng đá hộc sâu 1m; chiều cao 2,6m (dài 5,2m; rộng 2,7m) diện tích 14,04m²; có bếp nấu ăn bên trong xây ngăn tủ bếp đổ bê tông tấm đan dày 10cm; tường và mặt bếp ốp gạch giá: 11.334.000 đồng.
 - Mái che phía trước nhà không có tường bao xung quanh bằng tôn (dài 6,7m rộng 5,4m) diện tích 36,18m² giá: 5.427.000 đồng.

- Mái che phía sau không có tường bao xung quanh bằng tôn (6,4x3,1) (2.4x2,3) diện tích 25,35m² giá: 3.804.000 đồng.
- Hàng rào trước nhà, xây tấp lô nghiêng có da trát, dài 6,6m, cao 1,5m, diện tích 9,9m² (phần bờ rào, phần móng đá học, phần gia trát) giá: 1.633.000 đồng.
- Hàng rào xây tấp lô nghiêng không da trát diện tích 25,4x1,5 = 38,1m² (bên phải nhà cả phần móng đá học) giá: 4.889.000 đồng.
- Sân bê tông trước nhà diện tích (5,8x3,1=, 17,98) giá : 1.546.000 đồng.
- Sân bê tông sau nhà (5,8x5 +2,4x2,3) = 32,99 đã trừ phần giếng 1,53 m² giá: 3.035.000 đồng.
- Công trình phụ (chuồng trại chăn nuôi) phía trước 3,89m, phía sau 4,31m, chiều ngang 5,01m, chiều cao trung bình 2m giá: 12.427.000 đồng.
- 1 Bồn nước Inox x 1,200l giá: 2.000.000 đồng.
- 1 Nhà tắm mái bê tông; ốp lát gạch liên doanh nền lát gạch hoa 2,9m x 2,2m diện tích sử dụng 6,38m² giá: 5.876.000 đồng.
- Nhà vệ sinh mái phía rômimăng, nền lát gạch, tường ốp gạch dài 1,3m, rộng 2,2m diện tích 2,86m² giá: 4.876.000 đồng.
- 1 Giếng thùng đường kính 1m sâu 10m giá: 2.409.000 đồng.
- 01 Nhôm kính dựng quần áo giá: 500.000 đồng.
- 1 tủ bếp nhôm kính giá: 500.000 đồng.
- 1 bộ bàn ghế xa lông giá: 3.000.000 đồng.
- 1 Tủ kệ gỗ giá: 2.000.000 đồng.
- 1 Ty vi 21 inch giá: 1.000.000 đồng.
- 1 Tủ lạnh giá: 1.500.000 đồng.
- 1 Máy lọc nước giá: 1.500.000 đồng.
- 1 Xe máy hiệu Wa We biển kiểm soát 37N1 -17411 giá: 8.000.000 đồng.
- + Đất nông nghiệp:
- Thửa số: 597, tờ bản đồ số 12, tại Đ 1, S, H , Nghệ An diện tích 404,8m² giá 40.000đồng/m² x404.8m² = 16.192.000 đồng.
- Thửa đất số: 529, tờ bản đồ 12, tại Đ 1 S diện tích 330,9m² giá 40.000đồng /m² x 330,9 = 13.236.000 đồng.

Tổng cộng:

224.651.000 đồng

Chị Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ giao lại cho anh Nguyễn Tấn N 64.738.000 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền chênh lệch tài sản. Anh N được quyền sở hữu số tiền do chị L giao lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trở lại hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Về án Phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/216/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L thỏa thuận chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0009421 ngày 18/4/2018; chị L phải chịu 14.469.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0009421 Chi cục thi hành án dân sự huyện H thu ngày 18/4/2018, chị L còn phải chịu 9.469.000 đồng.

Anh Nguyễn Tấn N phải chịu 14.469.000 đồng tiền án phí chia tài sản.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao, bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- UBND xã Ia Tiêm;
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

1

2

Nguyễn Văn Thắng